CÔNG TY TNHH **HOÀNG NAM BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94 /CV-HNBK	*Thái Nguyên, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

V/v đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản mỏ chì – kẽm – mangan – sắt khu vực Kéo Lếch, xã Nghĩa Tá, Lương Bằng và Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã Nghĩa Tá và xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên)

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên

Chúng tôi là Công ty TNHH Hoàng Nam Bắc Kạn, chủ đầu tư Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản mỏ chì – kẽm – mangan – sắt khu vực Kéo Lếch, xã Nghĩa Tá, Lương Bằng và Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã Nghĩa Tá và xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên).

Căn cứ Văn bản thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và Biên bản họp hội đồng thẩm định kèm theo của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

Công ty TNHH Hoàng Nam Bắc Kạn xin gửi đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên hồ sơ gồm:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản mỏ chì – kẽm – mangan – sắt khu vực Kéo Lếch, xã Nghĩa Tá, Lương Bằng và Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã Nghĩa Tá và xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên) được đóng quyển, Công ty TNHH Hoàng Nam Bắc Kạn ký vào phía dưới của từng trang kể cả phụ lục kèm theo tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".doc" chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".pdf" chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo, bao gồm cả phụ lục.

- Chỉnh sửa, bổ sung, giải trình theo nội dung biên bản họp hội đồng thẩm định (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này).

Chúng tôi cam kết bảo đảm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong các báo cáo, tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản mỏ chì – kẽm – mangan – sắt khu vực Kéo Lếch, xã Nghĩa Tá, Lương Bằng và Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã Nghĩa Tá và xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ DỰ ÁN

M.S.D.N: 4700267454 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH HOÀNG NAM BẮC KẠN - TỈNH THÁI NGUYÊN

GIÁM ĐỐC

Đinh Huy Hoàng

PHỤ LỤC

Về việc chỉnh sửa, bổ sung, giải trình theo nội dung biên bản họp hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM của Công ty TNHH Hoàng Nam Bắc Kạn

(Kèm theo Văn bản số 911 / CV-HNBK ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Công ty TNHH Hoàng Nam Bắc Kạn)

STT	Kết luận của Hội đồng và ý kiến của các Uỷ viên hội đồng	Nội dung tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung	Nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung tại mục/trang của báo cáo ĐTM
I	**Kết luận của Hội đồng thẩm định**		
1	Sự phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Rà soát, cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành; loại bỏ các văn bản đã hết hiệu lực; cập nhật các quy định mới về bảo vệ môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, lâm nghiệp, thủy lợi, phòng chống thiên tai và các lĩnh vực liên quan. Đồng thời, làm rõ sự phù hợp của dự án với Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch khoáng sản, quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch bảo vệ môi trường và các quy hoạch	- Chủ dự án xin tiếp thu, rà soát, cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, bổ sung thêm các văn bản sau: - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 - Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 - Văn bản hợp nhất số 55/VBHN-BNNMT năm 2026 - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 - Thông tư 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 * Lĩnh vực hoá chất, vật liệu nổ công nghiệp: - Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14/6/2025 của Quốc hội;	Tại mục 2.1 trang 6 đến trang 12

	chuyên ngành có liên quan.	- Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 - Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 - Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 - Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 - Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP - Thông tư số 01/2025/TT-BCT - QCVN 07:2025/BNNMT Căn cứ lập dự toán cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung các văn bản sau: - Nghị định số 193/2026/NĐ-CP - Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 - Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026: - Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 - Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 - Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 - Thông tư số 50/2022/TT-BTC ngày 11/8/ - Thông tư 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 - Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 + Dự án phù hợp với Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến	

		năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 và Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 611/QĐ-TTg ngày 8/7/2024. + Dự án phù hợp với Quyết định số 1161/QĐ-TTg ngày 11/10/2024 ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. + Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026. + Dự án phù hợp với phương án phát triển công nghiệp và định hướng phát triển công nghiệp tại Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 02/11/2021.	Tại mục 1.3.2 trang 5,6,
2	Hoàn thiện thông tin về dự án và điều kiện tự nhiên khu vực thực hiện dự án: Rà soát, thống nhất các thông tin về vị trí, ranh giới, diện tích, quy mô, công suất, công nghệ khai thác, chế biến, nguyên liệu, sản phẩm và tiến độ thực hiện dự án; cập nhật đầy đủ hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng rừng, hiện trạng giao thông, các đối tượng nhạy cảm về môi trường, khu dân cư chịu tác động và các công trình hạ tầng liên quan. Bổ sung, cập nhật các số liệu về địa hình, địa chất, khí tượng,	- Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát, cập nhật, thống nhất các thông tin trong Báo cáo ĐTM về vị trí, ranh giới, diện tích, quy mô, công suất, công nghệ khai thác, nguyên liệu, sản phẩm và tiến độ thực hiện dự án. Đồng thời, Báo cáo đã bổ sung, cập nhật hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng rừng, giao thông, khu dân cư, các đối tượng nhạy cảm về môi trường và công trình hạ tầng liên quan. Các nội dung về địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, lưu vực thoát nước, chế độ dòng chảy và hiện trạng nguồn nước cũng đã được rà soát, bổ sung tại chương 2 trên cơ sở hồ sơ nghiên cứu	+ mục 1.1.3 trang 46, 47, 48 + Mục 1.2 trang 56 + Mục 5.1 trang 19 đến 22 + Mục 1.3 trang 60,61

	thủy văn, lưu vực thoát nước, chế độ dòng chảy, hiện trạng nguồn nước và các điều kiện tự nhiên bảo đảm có nguồn gốc, cơ sở khoa học và phù hợp với thực tế khu vực dự án.	địa chất thuỷ văn, bảo đảm tính khoa học, thống nhất và phù hợp với điều kiện thực tế khu vực dự án.	+ Mục 1.6 trang 68, 69
3	Hoàn thiện nội dung đánh giá tác động môi trường: Rà soát, tính toán lại các nguồn phát sinh chất thải và các tác động môi trường trong các giai đoạn thi công, khai thác và phục hồi môi trường; đánh giá đầy đủ các tác động đến môi trường nước, không khí, đất, tiếng ồn, độ rung, cảnh quan, hệ sinh thái và đời sống dân cư.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã rà soát toàn bộ báo cáo và tính toán lại các nguồn chất thải phát sinh cụ thể như sau: + Bụi khí thải phát sinh từ giai đoạn thi công xây dựng + Bụi khí thải phát sinh từ giai đoạn vận hành + Bụi, khí thải phát sinh từ giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường + Nước mưa chảy tràn giai đoạn thi công + Nước mưa chảy tràn giai đoạn vận hành (là nước thoát moong) Các tác động đến đất, nước, không khí, tiếng ồn, độ rung, cảnh quan và hệ sinh thái, đời sống dân cư được thể hiện tại mục 3.1.1, mục 3.2.1 và mục 3.3.1	Trang 108 Trang 129,130 Trang 160-162 Trang 105-106 Trang 125-127 Trang 111-115 Trang 133-138 Trang 164-165
4	Hoàn thiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Rà soát, bổ sung và hoàn thiện các công trình, giải pháp thu gom, xử lý nước thải, nước mưa, chất thải rắn, chất thải nguy hại; các giải pháp bảo vệ nguồn nước, lòng, bờ, bãi sông; bảo vệ đất lúa, đất rừng, đường giao thông và khu dân cư; các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Trên cơ sở đánh giá các tác động đến môi trường của 03 giai đoạn thực hiện Dự án chủ dự án đề xuất các phương án bảo vệ môi trường và phương án cải tạo phục hồi như sau: + Công trình thu gom, xử lý nước thải giai đoạn thi công xây dựng + Công trình thu gom xử lý chất thải rắn, CTNH giai đoạn thi công xây dựng	Trang 116- 119 Trang 122-123

	trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, hoàn thiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án ký quỹ, tính toán chi phí, đơn giá, khối lượng và tiến độ thực hiện bảo đảm đúng quy định và có tính khả thi.	+ Công trình thu gom, xử lý nước thải giai đoạn vận hành + Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn, CTNH giai đoạn vận hành + Phương ấn phòng ngừa các tác động đến đất lúa, đất rừng, đường giao thông, khu dân cư và các phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường + Hoàn thiện tính toán lại phương án cải tạo phục hồi môi trường đảm bảo tính khả thi và tiến độ thực hiện đảm bảo theo quy định.	Trang 139-151 Trang 152-154 Trang 155-158 Trang 173-203
5	Hoàn thiện hồ sơ, số liệu và hình thức Báo cáo: Rà soát, chỉnh sửa toàn bộ Báo cáo để bảo đảm tính đầy đủ, chính xác và thống nhất giữa nội dung thuyết minh, số liệu, bảng biểu, bản đồ, bản vẽ và phụ lục; cập nhật đầy đủ các hồ sơ, bản vẽ, sơ đồ công nghệ, chương trình quản lý và giám sát môi trường; chỉnh sửa các lỗi về thuật ngữ chuyên môn, địa danh, đơn vị hành chính, hình thức trình bày và các nội dung còn mâu thuẫn trong Báo cáo	- Chủ dự án tiếp thu và hoàn thiện toàn bộ hồ sơ, số liệu và hình thức báo cáo, thống nhất các số liệu giữa nội dung thuyết minh dự án, bảng biểu, bản đồ , bản vẽ và phụ lục đính kèm.	Toàn bộ báo cáo
II	**Ý kiến uỷ viên Hội đồng**		
1	**Ý kiến của Ông Đỗ Văn Bình - Ủy viên phản biện**		
	- Rà soát, bổ sung đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật và quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến dự án khai thác	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã rà soát, bổ sung và cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành	Tại mục 2.1 trang 10 đến 12

	khoáng sản, đặc biệt là các quy định về quản lý vật liệu nổ công nghiệp, Luật Hóa chất, quản lý chất lượng đất sau khai thác, an toàn đập, hồ lắng, quản lý bãi thải mỏ và phòng ngừa ô nhiễm nước mỏ.	liên quan đến dự án khai thác khoáng sản, gồm: * Lĩnh vực hoá chất, vật liệu nổ công nghiệp: - Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14/6/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 - Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 - Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 - Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 - Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 - Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP - Thông tư số 01/2025/TT-BCT - QCVN 04:2009/BCT: - TCVN 5326:2008	
	- Làm rõ mối quan hệ giữa diện tích thăm dò 17,9 ha và diện tích khai thác 2,25 ha, bảo đảm thống nhất với hồ sơ pháp lý và cơ sở xác định phạm vi khai thác của dự án.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã rà soát và thống nhất các hồ sơ pháp lý. Diện tích 17,9 ha là phạm vi khu vực thăm dò khoáng sản theo Quy hoạch, Giấy phép thăm dò và Quyết định phê duyệt trữ lượng. Trên cơ sở kết quả thăm dò, thân quặng có giá trị công nghiệp tập trung chủ yếu tại phía Tây khu vực thăm dò, do đó dự án chỉ lựa chọn 2,25 ha để khai thác trong giai đoạn đầu. Diện tích 5,27 ha là tổng diện tích sử dụng đất của dự án, bao gồm khu vực khai thác và các hạng mục phụ trợ (bãi thải, bể lắng, đường vận tải, công trình	Tại mục 1.1 trang 1,2

		bảo vệ môi trường). Các diện tích trên phản ánh các phạm vi quản lý khác nhau và phù hợp với các hồ sơ pháp lý đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Phần diện tích còn lại ngoài phạm vi dự án không thuộc phạm vi đầu tư, không thực hiện hoạt động khai thác trong giai đoạn này và vẫn được quản lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản và đất đai. Trường hợp có nhu cầu khai thác trong giai đoạn tiếp theo, Chủ dự án sẽ lập hồ sơ, thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý theo quy định hiện hành và chỉ triển khai sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.	
	- Rà soát, bổ sung nội dung đánh giá đầy đủ các yếu tố nhạy cảm về môi trường có khả năng chịu tác động bởi dự án; trong đó cần làm rõ mối liên hệ giữa khu vực khai thác với nguồn cấp nước sinh hoạt khu vực hạ lưu, khu dân cư, đất lúa, đất rừng và các đối tượng nhạy cảm khác. Đề nghị tổng hợp thành bảng thể hiện rõ đối tượng chịu tác động, khoảng cách, hướng tác động và mức độ ảnh hưởng.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án rà soát và bổ sung nội dung các yếu tố nhạy cảm về môi trường cụ thể tại bảng 1.6 Xác định các yếu tố nhạy cảm về môi trường của Dự án. Khu vực dự án cách xa các nguồn cấp nước sinh hoạt của người dân, do dân cư trong khu vực chủ yếu kéo nước khe từ trên núi cao về sử dụng.	Mục 1.1.5 trang 49-53
	- Bổ sung kết quả đánh giá môi trường nền đối với nước dưới đất, môi trường đất và các kim loại nặng đặc trưng của mỏ như Pb, Zn, Mn, Fe; đồng thời bổ sung số lượng mẫu quan trắc tại khu vực thượng lưu, hạ lưu, khu dân cư và khu vực bãi thải để bảo đảm tính đại diện và phục vụ theo	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã bổ sung, cập nhật cơ sở dữ liệu hiện trạng môi trường, trong đó làm rõ hiện trạng môi trường không khí, đất, nước mặt và nước dưới đất tại khu vực dự án và vùng lân cận làm cơ sở đánh giá tác động của hoạt động khai thác khoáng sản.	Tại mục 2.2 trang 91 đến 95

	dõi diễn biến môi trường trong quá trình khai thác.		
	- Nghiên cứu, đánh giá khả năng hình thành nước axit mỏ (AMD) và nguy cơ phát tán các kim loại nặng trong quá trình khai thác, làm cơ sở đề xuất giải pháp quản lý và xử lý phù hợp.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Tại dự án, thân quặng tồn tại chủ yếu ở dạng eluvi, deluvi, gồm các tảng, cục quặng phân bố lẫn trong lớp sét bột phong hóa, chiều dày trung bình khối thay đổi từ 1,81 m đến 4,12 m. Do quặng đã trải qua quá trình phong hóa tự nhiên trong thời gian dài, hàm lượng các khoáng vật sulfua dễ bị oxy hóa giảm đáng kể so với quặng nguyên sinh, nên khả năng hình thành nước axit mỏ (AMD) được đánh giá ở mức thấp. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác và đổ thải, dự án vẫn thực hiện các biện pháp phòng ngừa như thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn và nước trong moong về hệ thống bể lắng, quản lý bãi thải theo thiết kế, hạn chế nước mưa thấm qua khối đất đá thải và thực hiện quan trắc định kỳ các thông số pH, Fe, Mn, Pb, Zn của nước thải nhằm kịp thời phát hiện, xử lý nếu có dấu hiệu phát sinh nước axit mỏ.	Tại mục 3.2.1.1 trang 149
	- Rà soát, tính toán lại phương án thoát nước, cân bằng nước mỏ và dung tích hồ lắng trên cơ sở lưu lượng nước mưa chảy tràn, nước moong khai thác và nước phát sinh từ bãi thải; bảo đảm hồ lắng có đủ dung tích lưu chứa, thời gian lưu nước và hiệu quả xử lý trước khi xả ra môi trường. - Bổ sung tính toán sức chứa, hiệu suất lắng, khả năng làm việc của hồ lắng trong điều kiện mưa	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Với lưu lượng lớn nhất là 124,65 l/s (tương đương 448,74 m^3/h), thể tích bể lắng cần thiết được tính theo công thức: $V = Q_h \times t$ Trong đó: + V: thể tích hữu ích của bể (m^3); + Q_h: Lưu lượng tính toán (448,74 m^3/h);	Tại mục 3.2.2 trang 149, 150

	lớn; đánh giá nguy cơ tràn nước, vỡ bờ, tràn bùn và đề xuất giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố.	+ t: thời gian lưu (1,5h) Thay số: $V = 448,74 \times 1,5 = 673,11\ m^3$, Làm tròn $V = 680\ m^3$. Công ty xây dựng 01 bể lắng với kích thước: Chiều dài x chiều rộng x chiều sâu = 20 x 17 x 2 (m) = 680 m^3. Bể lắng có diện tích: 20 x 17 (m) = 340 m^2, tổng dung tích là 680 m^3 chứa thu và lắng nước chảy từ các nguồn để lắng cặn trước khi xả ra môi trường. Bể chia làm 02 ngăn lắng, dung tích chứa cụ thể: + Ngăn 1 = 17 x 10 x 2 (m) = 340 m^3. + Ngăn 2 = 17 x 10 x 2 (m)= 340 m^3. Kết cấu: Bể lắng được xây dựng bằng gạch đặc dày 20 cm, sử dụng vữa xi măng, mặt trong thành và đáy bể được trát vữa xi măng có phụ gia chống thấm, xử lý kín các vị trí tiếp giáp đáy – thành. Kết cấu được thiết kế, thi công và nghiệm thu theo các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng hiện hành, đồng thời được kiểm tra khả năng kín nước trước khi đưa vào vận hành. Giải pháp nhằm hạn chế tối đa khả năng nước trong bể thấm xuống môi trường đất và nước dưới đất. Cốt cao đáy bể lắng là +294m. Nước mưa theo mương dẫn về bể lắng 02 ngăn để lắng cặn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là khe suối Bản Thít. Bể lắng được thiết kế gồm 2 ngăn, bảo đảm thời gian lưu nước đủ để các hạt cặn, bùn đất lắng xuống đáy, giúp giảm đáng kể hàm lượng chất rắn trước khi sử dụng hoặc thải bỏ.	

		Do bể lắng xây dựng ngầm dưới đất, quá trình lắng khi lưu lượng nước mưa quá lớn thì vẫn đảm bảo không gây vỡ thành bể, đường ống thoát to đảm bảo đường nước vào và đường nước ra vẫn có thời gian lắng. Trong mùa mưa bão Công ty cũng sẽ thực hiện chế độ nạo vét bùn để đảm bảo hiệu quả của bể lắng.	
	- Bổ sung giải pháp chống thấm đáy và thành hồ lắng theo quy định hiện hành nhằm hạn chế nguy cơ thấm nước ô nhiễm xuống môi trường đất và nước dưới đất.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Kết cấu: Bể lắng được xây dựng bằng gạch đặc dày 20 cm, sử dụng vữa xi măng, mặt trong thành và đáy bể được trát/láng vữa xi măng có phụ gia chống thấm, xử lý kín các vị trí tiếp giáp đáy – thành. Kết cấu được thiết kế, thi công và nghiệm thu theo các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng hiện hành, đồng thời được kiểm tra khả năng kín nước trước khi đưa vào vận hành. Giải pháp nhằm hạn chế tối đa khả năng nước trong bể thấm xuống môi trường đất và nước dưới đất.	Tại mục 3.2.2 trang 150
	- Đối với bãi thải mỏ, cần tính toán, đánh giá ổn định bãi thải; bổ sung các thông số thiết kế chủ yếu như chiều dài, chiều rộng, chiều cao, dung tích chứa, hệ thống thu gom, tiêu thoát nước và thoát nước chân bãi thải.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Đối với bãi thải ngoài Công ty chỉ tực hiện đổ thải trong 02 năm đầu tiên, bãi thải có diện tích 2.444 m^2, dung tích chứa 2.567 m^3, chiều cao bãi thải trung bình là 2m, bờ bãi thải được đắp cao hơn mặt bằng bên ngoài khoảng 0,5m để tránh nước mưa dồn về qua bãi thải. Toàn bộ nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi thải được thu gom vào bể lắng nước mưa với dung tích khoảng 680 m^3 chia làm 02 ngăn lắng, trước khi nước mưa được thoát ra ngoài môi trường.	Tại mục 3.2.2. Trang 152-154, trang 147-150

	- Rà soát, tính toán cân bằng đất phủ; làm rõ nguồn đất màu, phương án hoàn nguyên, tỷ lệ cây sống sau phục hồi và mục đích sử dụng đất sau khai thác.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã rà soát và bổ sung tính toán cân bằng đất phủ, xác định nhu cầu đất màu phục vụ cải tạo và nguồn đất màu dự kiến sử dụng. - Lượng đất màu sử dụng cho trồng cây: Tận dụng lượng đất bóc lưu chứa tại các bãi thải tạm để trồng cây, do đó không phải bổ sung thêm lượng đất màu bên ngoài dự án cho từng hố trồng cây. - Sau khi hoàn thành cải tạo, khu vực được trồng cây Keo, xác định là đất nông nghiệp khác và bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng theo quy định.	Tại trang 186, 178
	- Nghiên cứu, xây dựng các phương án cải tạo, phục hồi môi trường có tính độc lập và khả thi hơn; không chỉ thay đổi cơ cấu cây trồng giữa các phương án như hiện nay.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã bổ sung 02 phương án cải tạo, phục hồi môi trường có tính độc lập, gồm: (1) Phương án trồng cây, phục hồi thảm thực vật trước khi bàn giao cho địa phương quản lý; (2) Phương án san gạt, ổn định mặt bằng, để đất trống và bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng theo quy định. Các phương án được đánh giá riêng về khối lượng thực hiện, tính khả thi, hiệu quả môi trường và kinh phí để làm cơ sở lựa chọn phương án phù hợp.	Tại mục 4.1 trang 174 đến 177
	- Bổ sung nội dung giám sát ổn định bãi thải, sườn tầng khai thác, nước dưới đất và nước thải mỏ; đồng thời bổ sung các thông số kim loại nặng đặc trưng như Pb, Zn, Cu, Cd, As, Fe... trong chương trình quan trắc môi trường.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã rà soát, bổ sung nội dung giám sát đối với các công trình bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành dự án, bao gồm: giám sát tình trạng ổn định bãi thải (độ ổn định mái dốc, hiện tượng sạt lở, xói mòn), giám sát hoạt động của bể lắng, giám sát khả năng tiêu thoát nước của hệ thống mương, rãnh thoát nước.	Tại mục 6.2.2 trang 214, 215, 216

		Đồng thời, chủ dự án cũng đã bổ sung chương trình quan trắc môi trường nước thải như sau: ***a. Giám sát môi trường nước thải*** - Vị trí giám sát: 01 vị trí: Nước thải tại điểm xả sau xử lý tại bể lắng. - Tọa độ điểm quan trắc dự kiến: X (m) = 2.444.616,27, Y (m) = 399.681,55 (Tọa độ điểm xả theo hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trục 106°50', múi chiếu 3). - Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD_5, COD, Tổng Nitơ (T-N), Tổng Phốt pho (T-P), Tổng Coliform, Asen (As), Thuỷ ngân (Hg), Chì (Pb), Cadmi (Cd), Crom VI (Cr^{6+}), Tổng Crom (Cr), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Sắt (Fe), Amoni ($N\text{-}NH^{4+}$), tính theo N, Dầu mỡ khoáng, Sunfua (S^{2-}). - Tần suất giám sát: 3 tháng/01lần. - Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT.	Tại mục 6.2 trang 211
	Đề nghị Chủ dự án và đơn vị tư vấn rà soát, chỉnh sửa toàn bộ hồ sơ nhằm bảo đảm tính thống nhất của các số liệu, bao gồm tên địa danh sau sắp xếp đơn vị hành chính; khoảng cách đến khu dân cư và các công trình lân cận; kích thước đê chắn bãi thải; chiều cao và dung tích bãi thải; dung tích gầu máy xúc; đơn vị tính lưu lượng nước mưa chảy tràn; số liệu lượng mưa; vị trí, tần suất quan trắc môi trường và các nội dung	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát, chỉnh sửa toàn bộ hồ sơ nhằm bảo đảm tính thống nhất của các số liệu và nội dung trong Báo cáo ĐTM. Cụ thể, đã cập nhật tên địa danh theo đơn vị hành chính sau sắp xếp; rà soát khoảng cách đến khu dân cư và các công trình lân cận; thống nhất kích thước đê chắn bãi thải, chiều cao và dung tích bãi thải, dung tích gầu máy xúc; thống nhất đơn vị tính lưu lượng nước mưa chảy tràn và số liệu lượng mưa; đồng thời rà soát, thống nhất vị trí, tần suất quan trắc môi	Toàn báo cáo

	liên quan đến phương án cải tạo, phục hồi môi trường.	trường và các nội dung liên quan đến phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Các số liệu sau chỉnh sửa đã được đối chiếu giữa phần thuyết minh, bảng biểu, bản vẽ và các hồ sơ pháp lý có liên quan.	
2	**Ý kiến của Ông Phạm Văn Hòa - Ủy viên phản biện**		
	- Rà soát toàn bộ căn cứ pháp lý viện dẫn trong Báo cáo; loại bỏ các văn bản không còn phù hợp hoặc không liên quan đến nội dung dự án; cập nhật các quy định pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn hiện hành có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường. - Kiểm tra, cập nhật các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã hết hiệu lực được viện dẫn trong Báo cáo, bảo đảm việc áp dụng đúng các quy định hiện hành.	Chủ dự án xin tiếp thu, rà soát toàn bộ căn cứ pháp lý viện dẫn trong Báo cáo; loại bỏ các văn bản không còn phù hợp hoặc không liên quan đến nội dung dự án; cập nhật các quy định pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn hiện hành có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường. Đồng thời, kiểm tra, cập nhật các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã hết hiệu lực được viện dẫn trong Báo cáo, bảo đảm việc áp dụng đúng các quy định hiện hành.	Tại mục 2.1 trang 6 đến trang 12
	Làm rõ mục đích sử dụng đối với phần diện tích 3,02 ha sử dụng cho các hạng mục phụ trợ và hành lang an toàn mỏ; đồng thời thể hiện đầy đủ trên bản vẽ thiết kế mỏ.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: - Diện tích để bố trí các công trình phụ trợ và hành lang an toàn mỏ là 3,02 ha, bao gồm: + Đất diện tích kho vật liệu nổ: 0,15 ha + Đất công trình phụ trợ, bãi thải, tuyến đường mỏ 2,21ha. - Đất hành lang an toàn khai thác 0,66 ha; Và thể hiện trên bản vẽ thiết kế mỏ đính kèm tại phần phụ lục của báo cáo	tại mục 1.2.2 trang 56

	Rà soát, thống nhất số liệu về khoảng cách từ khu vực dự án đến khu dân cư và các hộ dân gần nhất trong toàn bộ Báo cáo.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Khu dân cư thôn Thành Công nằm lân cận khu vực mỏ, cách ranh giới khai thác gần nhất khoảng 270m về phía Tây Bắc. Đây là khu dân cư có mật độ dân số thấp, phân bố thưa, người dân chủ yếu sinh sống bằng sản xuất nông nghiệp nên mức độ nhạy cảm đối với các tác động môi trường được đánh giá là không cao. Phía Đông khu mỏ hiện có nhà máy chế biến khoáng sản của Công ty TNHH Đồng Tâm, cách ranh giới dự án khoảng 250m, hiện đang hoạt động ổn định.	Tại mục 1.1.5 trang 50
	Bổ sung, thuyết minh đầy đủ trữ lượng đối với khoáng sản mangan và sắt trong phạm vi biên giới mỏ, bảo đảm phù hợp với tên dự án và hồ sơ địa chất đã được phê duyệt.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã rà soát và bổ sung nội dung về đặc điểm địa chất, thành phần khoáng sản, trữ lượng và phương án khai thác đối với các khoáng sản đi kèm (mangan, sắt) trên cơ sở Báo cáo kết quả thăm dò và Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản.	Tại bảng 1.10, 1.11 trang 62,63
	Bổ sung đánh giá ảnh hưởng của nước mặt khi tiếp xúc với quặng nguyên khai trong khu vực khai trường, làm rõ khả năng phát sinh các nguồn ô nhiễm và tác động đến môi trường nước trong quá trình khai thác.	- Chủ dự án xin giải trình nội dung này như sau: Nước mưa trong quá trình mỏ đi vào khai thác sẽ tiếp xúc với quặng và kéo theo lượng bùn đất, quặng theo nước mưa, tuy nhiên Chủ dự án cũng đề xuất thực hiện phương án đào rãnh thoát nước xung quanh moong để nhằm giảm lưu lượng nước mưa chảy tràn vào khu vực moong khai thác. Mặt khác đặc điểm thân quặng của Dự án là thân quặng tồn tại dạng eluvi, deluvi gồm các tảng, cục quặng nằm lẫn trong sét bột, chiều dày không ổn định thay đổi từ 1,0m đến 8,1m, trung bình 3,68m. Do quặng đã trải qua quá trình phong hóa tự nhiên trong	Tại mục 3.2.1. trang 126

		thời gian dài, hàm lượng các khoáng vật sulfua dễ bị oxy hóa giảm đáng kể so với quặng nguyên sinh, nên khả năng hình thành nước axit mỏ (AMD) được đánh giá ở mức thấp. Do đó nước mưa chảy tràn qua mỏ không mang tính nguy hại cao đến môi trường và hệ sinh thái xung quanh khu vực.	
	Bổ sung tính toán, đánh giá ảnh hưởng của chấn động nổ mìn trên cơ sở lượng thuốc nổ tức thời lớn nhất để làm cơ sở xác định phạm vi ảnh hưởng và các biện pháp bảo đảm an toàn.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Theo báo cáo KTKT lượng thuốc nổ sử dụng tương đối nhỏ là 0,36kg/m^3, do đó đảm bảo cho hoạt động khai thác Chủ dự án thực hiện nổ theo đúng kỹ thuật và hàm lượng thuốc nổ đảm bảo chấn động không ảnh hưởng lớn đến xung quanh, mặt khác mặt moong khai thác nằm về phía Tây Nam, khu vực không có nhà dân, xung quanh moong khai thác chủ yếu là đồi cây do đó mức độ tác động của hoạt động nổ mìn không lớn.	
	Bổ sung các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn trong giai đoạn thi công và khai thác, đặc biệt tại các vị trí gần khu dân cư, như sử dụng rào chắn giảm tiếng ồn hoặc các biện pháp kỹ thuật phù hợp	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: - Thực hiện nghiêm túc quy định về nổ mìn, đảm bảo theo phương án được phê duyệt. - Sử dụng dây chuyền thiết bị hiện đại và đồng bộ, thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị đảm bảo điều kiện hoạt động tốt nhất. - Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt thiết bị. - Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị sử dụng trong khai thác, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.	Tại mục 3.2.2.4 trang 156, 157

		- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị, kiểm tra độ mòn của các chi tiết và định kỳ bôi trơn hoặc thay những chi tiết hỏng. - Bố trí, sắp xếp, giảm thời gian làm việc một cách hợp lý đối với công nhân làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn, nhằm hạn chế tối đa tác động, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân. - Trang bị dụng cụ chống ồn như bao tai, nút bịt tai cho những công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn ồn cao nhằm giảm thiểu những tác động do tiếng ồn gây ra. - Đối với máy móc, thiết bị có khả năng gây ra rung động được lắp đệm cao su chống rung, hạn chế tối đa việc phát ra tiếng ồn, rung. - Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.	
	Rà soát, chỉnh sửa mặt cắt đặc trưng Tuyến 3 (bản vẽ TKBVTC-CK-LT-KT-07), bảo đảm phù hợp với hiện trạng khu vực sau khi kết thúc khai thác và phương án cải tạo, phục hồi môi trường.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã tiến hành rà soát và chỉnh sửa bản vẽ TKBVTC-CK-LT-KT-07 đảm bảo phù hợp với hiện trạng kết thúc khai thác và phương án cải tạo phục hồi môi trường	Bản vẽ đính kèm phần phụ lục
3	**Ý kiến của ông Quách Hoàng Long - Đại diện Sở Công thương, Ủy viên Hội đồng**		
	- Bổ sung, cập nhật các văn bản quy phạm pháp	Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát, bổ sung các văn bản	Tại mục 2.1

	luật có liên quan đến hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, gồm Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ và các văn bản chuyên ngành hiện hành. - Cập nhật quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về an toàn trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; thay thế các quy chuẩn đã hết hiệu lực được viện dẫn trong Báo cáo.	pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, gồm Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ và các văn bản, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành có liên quan. Các nội dung về quản lý, bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong hoạt động khai thác mỏ đã được cập nhật, rà soát và bổ sung vào Báo cáo ĐTM, bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành.	trang 6 đến 12
	- Rà soát, thống nhất diện tích kho vật liệu nổ công nghiệp tại toàn bộ các bảng biểu và nội dung của Báo cáo; bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và làm cơ sở xác định khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc dự án.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Kho vật liệu nổ công nghiệp diện tích 1.000 m2 - Hàng rào bảo vệ xung quanh kho VLNCN kết cấu khung lưới B40 theo quy định. - Nhà kho chứa VLNCN diện tích khoảng 20m^2 đến 30m^2. Kết cấu xây tường gạch, đổ trần bê tông cốt thép, mái lợp tôn chống nóng, nền láng bê tông. - Nhà cấp phát VLNCN và để dụng cụ PCCC diện tích khoảng 6m^2 đến 9m^2, kết cấu xây tường gạch, mái tôn chống nóng, nền láng bê tông hoặc nhà tiền chế cột thép lắp ghép, quây tôn, máy tôn chống nóng, nền láng bê tông hoặc lát gạch. - Bể chứa cát, chứa nước PCCC khoảng 3m^3 đến 5m^3/bể, kết cấu xây gạch xung quanh, nền láng bê tông.	Toàn báo cáo

		- Ụ đất an toàn theo quy định. Kết cấu xây gạch hoặc đắp đất.	
	- Bổ sung hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực kho vật liệu nổ công nghiệp trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã bổ sung hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực kho vật liệu nổ công nghiệp vào phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Sau khi kết thúc hoạt động, kho vật liệu nổ được tháo dỡ, thu gom và xử lý toàn bộ vật liệu, thiết bị còn lại theo quy định; phá dỡ công trình, san gạt, vệ sinh khu vực và phục hồi môi trường, bảo đảm khu vực sau cải tạo an toàn, không còn nguy cơ gây tác động đến môi trường, trồng cây trên toàn bộ diện tích và được bàn giao cho địa phương quản lý theo quy định.	Tại trang 185
	- Bổ sung căn cứ xác định khối lượng đào, đắp và khối lượng nổ mìn phục vụ thi công tuyến đường mở mỏ; kèm theo bản vẽ thể hiện rõ cơ sở tính toán.	- Chủ dự án xin giải trình nội dung này như sau: Chủ dự án tính toán bóc tách khối lượng đào đắp dựa trên bản đồ địa hình và bản đồ tổng mặt bằng mỏ bằng phần mềm AutoCad. Khối lượng nổ mìn phục vụ thi công tuyến đường dựa trên đặc điểm địa hình, địa chất đã khảo sát khu vực dự án được dự toán chi tiết theo Báo cáo thiết kế cơ sở của Dự án.	
	- Rà soát, thống nhất đường kính lỗ khoan sử dụng trong toàn bộ Báo cáo; trên cơ sở đó tính toán lại khoảng cách an toàn do đá văng, sóng xung kích và bán kính ảnh hưởng của hoạt động nổ mìn.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ đầu tư rà soát và thống nhất toàn bộ đường kính lỗ khoan sử dụng trong toàn bộ báo cáo là dk=42 và dk =76 Tính toán khoảng cách an toàn cho đá văng là R = 200m đối với công trình, đối với người R = 300m đảm bảo theo QCVN 01:2019/BCT	Tại trang 64, 65, trang 115
	- Làm rõ khoảng cách từ khu vực khai thác đến	- Chủ dự án xin giải trình nội dung này như sau:	

	các công trình và khu dân cư lân cận nhằm xác định chính xác bán kính an toàn nổ mìn và quy mô bãi nổ theo quy định.	Nhà dân gần khu vực Dự án nhất cách 150m về phía Tây Bắc, trên trục đường giao thông 254. Mặt nghiêng khai trường của Dự án nằm hướng Nam. Do đó quá trình nổ mìn đá văng chủ yếu về phía Nam, khu phía Nam mỏ không có công trình công cộng, không có nhà dân xung quanh do đó quá trình nổ mìn khai thác không ảnh hưởng tới người dân và các công trình xung quanh.	
	- Nghiên cứu, lựa chọn vị trí kho vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm đáp ứng đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và yêu cầu về an toàn trong suốt quá trình triển khai, khai thác và kết thúc dự án.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án dự kiến xây dựng và bố trí kho vật liệu nổ trong khu vực dự án đảm bảo diện tích là 1.000m^2, tiêu chuẩn kỹ thuật kho vật liệu nổ đảm bảo theo QCVN 01:2019/BCT.	
4	**Ý kiến của Bà Nguyễn Thị Thụy – Đại diện Sở Tài chính, Ủy viên Hội đồng**		
	- Làm rõ cơ sở xác định trữ lượng khai thác, quy mô và công suất khai thác của dự án; bảo đảm phù hợp với trữ lượng khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	- Chủ dự án xin giải trình, bổ sung nội dung này: Trữ lượng 109.900 tấn quặng được phê duyệt tại Quyết định số 466/QĐ-UBND là tổng trữ lượng trong toàn bộ khu vực thăm dò. Tuy nhiên, do một phần diện tích khu vực thăm dò có rừng tự nhiên nên Chủ dự án chỉ đầu tư khai thác trong phạm vi 2,25 ha, công suất khai thác 63.051 tấn (theo Quyết định số 189/QĐ-UBND về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư). Vì vậy, trữ lượng đưa vào thiết kế chỉ bao gồm phần trữ lượng nằm trong phạm vi 2,25 ha, bảo đảm thống nhất với hồ sơ địa chất, hồ sơ thiết kế và Báo cáo ĐTM.	Tại mục 1.1 trang 1,2
	- Giải trình rõ mối quan hệ giữa diện tích quy	- Chủ dự án xin giải trình, bổ sung nội dung này:	Tại mục 1.1

	hoạch, diện tích thăm dò và diện tích khai thác của dự án; làm rõ căn cứ lựa chọn diện tích khai thác 2,25 ha trong tổng diện tích khu vực thăm dò 17,9 ha, đồng thời xác định rõ cơ sở tính toán trữ lượng đối với phần diện tích đưa vào khai thác.	Diện tích khu vực thăm dò của dự án là 17,9 ha. Tuy nhiên, kết quả công tác thăm dò cho thấy thân quặng chì, kẽm phân bố tập trung chủ yếu tại khu vực phía Tây của khu vực thăm dò và một phần diện tích khu vực thăm dò có rừng tự nhiên. Trên cơ sở kết quả đánh giá, xác định phạm vi phân bố, trữ lượng khoáng sản và nhằm hạn chế tác động đến rừng tự nhiên, Công ty đề xuất triển khai xây dựng dự án trong phạm vi khu vực có phân bố quặng nhằm bảo đảm hiệu quả khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản và phù hợp với điều kiện địa chất thực tế của mỏ. Việc lựa chọn khu vực xây dựng dự án trong phạm vi có phân bố quặng là nhằm tập trung hoạt động khai thác tại khu vực có điều kiện địa chất thuận lợi, hạn chế việc tác động đến các khu vực không có khoáng sản, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng đất và giảm thiểu các tác động không cần thiết đến môi trường. Ngày 13/6/2025, Công ty đã được UBND tỉnh Bắc Kạn chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 189/QĐ-UBND, cụ thể: Diện tích đất dự kiến sử dụng: 5,27 ha (trong đó: diện tích khu vực khai thác là 2,25ha; diện tích khu vực phụ trợ và hành lang an toàn mỏ là 3,02ha)	trang 1,2
	- Rà soát toàn bộ căn cứ pháp lý được viện dẫn trong Báo cáo; cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về địa chất và khoáng sản, đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực có liên quan; đồng thời loại bỏ các văn bản đã hết hiệu lực.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát toàn bộ căn cứ pháp lý trong Báo cáo; cập nhật các văn bản hiện hành về địa chất và khoáng sản, đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực liên quan. Đồng thời, đã loại bỏ các văn bản hết hiệu lực, không còn phù hợp hoặc không liên quan đến dự án; bảo đảm các	Tại mục 2.1 trang 6 đến 12

		căn cứ pháp lý được viện dẫn đúng số hiệu, tên văn bản và tình trạng hiệu lực tại thời điểm lập Báo cáo.	
	- Chỉnh sửa thông tin viện dẫn tại trang 5 của Báo cáo, thống nhất Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên, không ghi nhầm thành Quyết định số 292/QĐ-TTg.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa thông tin tại trang 5 của Báo cáo, thống nhất viện dẫn Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên;	
	- Đề nghị Chủ dự án tiếp thu đầy đủ các ý kiến của các Ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng thuộc các sở, ngành chuyên môn liên quan để rà soát, hoàn thiện các nội dung về ranh giới, tọa độ, phạm vi khai thác, trữ lượng, công suất khai thác và các nội dung kỹ thuật khác, bảo đảm phù hợp với quy hoạch và quy định của pháp luật.	Chủ dự án xin tiếp thu đầy đủ ý kiến của các Ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng; đã phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát, chỉnh sửa và thống nhất các nội dung về ranh giới, tọa độ, phạm vi và diện tích khai thác, trữ lượng, công suất khai thác và các thông số kỹ thuật liên quan. Các nội dung sau rà soát được đối chiếu với hồ sơ địa chất, hồ sơ pháp lý của dự án và quy hoạch khoáng sản có liên quan, bảo đảm tính thống nhất và phù hợp với quy định hiện hành.	Toàn báo cáo
5	**Ý kiến của Ông Hà Nhân Tùng, Đại diện Phòng Địa chất-Khoáng sản - Ủy viên Hội đồng**		
	- Rà soát, cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản; đồng thời loại bỏ các văn bản đã hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp, bảo đảm hệ thống căn cứ pháp lý của Báo cáo đầy đủ và thống nhất.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát, cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản có liên quan đến dự án; đồng thời loại bỏ các văn bản đã hết hiệu lực, không còn phù hợp hoặc không liên quan. Hệ thống căn cứ pháp lý trong Báo cáo đã được đối chiếu, cập nhật và thống nhất, bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành.	Tại mục 2.1 trang 6 đến 12

	- Làm rõ cơ sở xác định trữ lượng khoáng sản trong phạm vi diện tích khai thác 2,25 ha; giải trình mối quan hệ giữa diện tích khai thác, diện tích sử dụng đất của dự án (5,27 ha) và diện tích đã được phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn, bảo đảm sự thống nhất giữa Báo cáo ĐTM và các hồ sơ pháp lý liên quan.	- Chủ dự án xin giải trình, bổ sung nội dung này: Diện tích khu vực thăm dò của dự án là 17,9 ha. Tuy nhiên, kết quả công tác thăm dò cho thấy thân quặng chì, kẽm phân bố tập trung chủ yếu tại khu vực phía Tây của khu vực thăm dò và một phần diện tích khu vực thăm dò có rừng tự nhiên. Trên cơ sở kết quả đánh giá, xác định phạm vi phân bố, trữ lượng khoáng sản và nhằm hạn chế tác động đến rừng tự nhiên, Công ty đề xuất triển khai xây dựng dự án trong phạm vi khu vực có phân bố quặng nhằm bảo đảm hiệu quả khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản và phù hợp với điều kiện địa chất thực tế của mỏ. Việc lựa chọn khu vực xây dựng dự án trong phạm vi có phân bố quặng là nhằm tập trung hoạt động khai thác tại khu vực có điều kiện địa chất thuận lợi, hạn chế việc tác động đến các khu vực không có khoáng sản, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng đất và giảm thiểu các tác động không cần thiết đến môi trường. Ngày 13/6/2025, Công ty đã được UBND tỉnh Bắc Kạn chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 189/QĐ-UBND, cụ thể: Diện tích đất dự kiến sử dụng: 5,27 ha (trong đó: diện tích khu vực khai thác là 2,25ha; diện tích khu vực phụ trợ và hành lang an toàn mỏ là 3,02ha)	Tại mục 1.1 trang 1,2
	- Rà soát, chỉnh sửa các thuật ngữ chuyên môn, lỗi chính tả, lỗi kỹ thuật trình bày; đồng thời đối chiếu, thống nhất các nội dung giữa phần thuyết minh, bảng biểu, bản vẽ và các phụ lục của Báo cáo.	Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát, chỉnh sửa các thuật ngữ chuyên môn, lỗi chính tả và lỗi kỹ thuật trình bày trong toàn bộ Báo cáo. Đồng thời, đã đối chiếu và thống nhất các nội dung, số liệu giữa phần thuyết minh, bảng biểu, bản vẽ và các phụ lục, bảo đảm tính chính xác, đồng bộ và thống nhất của hồ sơ.	Toàn báo cáo

6	**Ý kiến của Ông Ngô Quang Khoa - Đại diện Chi cục Kiểm Lâm, Uỷ viên Hội đồng**		
	- Bổ sung, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực lâm nghiệp, gồm Luật số 146/2025/QH15, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP, Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT và các quy định có liên quan đến quản lý rừng, đa dạng sinh học, động vật, thực vật rừng.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này vào báo cáo: - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; - Thông tư 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.	Tại mục 2.1 trang 6 đến 12
	- Rà soát, bổ sung đầy đủ số liệu hiện trạng rừng trong phạm vi thực hiện dự án; xác định rõ diện tích rừng tự nhiên, diện tích rừng trồng, đất chưa có rừng và hiện trạng trữ lượng rừng (nếu có), đồng thời cập nhật các thông tin này trong Báo cáo ĐTM.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ đầu tư đã rà soát hiện trạng toàn bộ diện tích dự án 5,27ha là rừng sản xuất, được thể hiện tại Bảng 1.4.	Tại trang 47
	- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu hiện trạng rừng và sự phù hợp của các thông tin với hồ sơ quản lý chuyên ngành lâm nghiệp.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát, đối chiếu số liệu hiện trạng rừng, diện tích và loại rừng với hồ sơ quản lý chuyên ngành lâm nghiệp và các hồ sơ pháp lý có liên quan, bảo đảm tính chính xác, thống nhất. Chủ dự án chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số	Toàn báo cáo

		liệu, thông tin về hiện trạng rừng được sử dụng trong Báo cáo.	
	- Đề nghị Chủ dự án sau khi hoàn thiện, bổ sung hiện trạng rừng trong Báo cáo ĐTM tiếp tục phối hợp với cơ quan chuyên môn để thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (nếu thuộc đối tượng phải thực hiện) và trồng rừng thay thế theo đúng quy định của pháp luật.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã bổ sung, cập nhật hiện trạng rừng trong Báo cáo ĐTM trên cơ sở hồ sơ quản lý chuyên ngành lâm nghiệp. Sau khi Báo cáo ĐTM được hoàn thiện, Chủ dự án cam kết tiếp tục phối hợp với cơ quan chuyên môn để thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (nếu thuộc đối tượng phải thực hiện) và trồng rừng thay thế hoặc thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, đồng thời chỉ triển khai dự án sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý có liên quan.	
7	**Ý kiến của Ông Triệu Thế Vinh - Đại diện Quỹ bảo vệ môi trường, rừng và phòng, chống thiên tai, Ủy viên Hội đồng**		
	- Rà soát, cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, định mức, đơn giá, hướng dẫn hiện hành làm căn cứ lập dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường; đặc biệt là các quy định của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các quyết định công bố đơn giá xây dựng của UBND tỉnh Thái Nguyên đang còn hiệu lực.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: ***a. Căn cứ lập dự toán*** - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; - Nghị định số 193/2026/NĐ-CP quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án; - Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc	tại mục 4.3 trang 192, 193

		theo hợp đồng lao động; - Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 6 năm 2026: Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Nghị định số 207/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 6 năm 2026: Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Thông tư số 36/2026/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 26 tháng 6 năm 2026: Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Thông tư số 38/2026/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 26 tháng 6 năm 2026: Ban hành định mức xây dựng. - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 50/2022/TT-BTC ngày 11/8/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và Nghị định số 20/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc	

		trong hoạt động đầu tư xây dựng; - Thông tư 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán; - Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế-kỹ thuật về Lâm nghiệp; - Quyết định số 256/QĐ- UBND ngày 22/2/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố bộ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thái Nguyên. - Quyết định số 310/QĐ- SXD ngày 31/12/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; - Quyết định 527/QĐ-SXD ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; - Quyết định 534/QĐ-SXD ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;	

	- Hồ sơ đã cơ bản xác định các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường và tính toán chi phí thực hiện. Tuy nhiên, cần tiếp tục rà soát, cập nhật và chỉnh sửa các nội dung còn chưa thống nhất, bao gồm kích thước kho lưu giữ chất thải nguy hại, các hạng mục cải tạo, phương pháp xác định khối lượng và hệ thống bảng biểu trong toàn bộ Báo cáo.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát, cập nhật các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường và chi phí thực hiện; đồng thời thống nhất kích thước kho lưu giữ chất thải nguy hại, phương pháp xác định khối lượng, các hạng mục cải tạo và hệ thống bảng biểu trong toàn bộ Báo cáo, bảo đảm số liệu giữa phần thuyết minh, bảng tính và phụ lục thống nhất, phù hợp với phương án cải tạo, phục hồi môi trường.	Toàn báo cáo
	- Rà soát lại toàn bộ phương pháp lập dự toán; cập nhật đơn giá nhân công, đơn giá máy thi công, chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, chi phí chịu thuế tính trước, chi phí nhà tạm, chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, chi phí bảo hiểm, chi phí thẩm tra, quyết toán, chi phí dự phòng và các khoản chi phí khác theo đúng các văn bản hướng dẫn hiện hành. - Rà soát, cập nhật các bảng tổng hợp chi phí cải tạo, phục hồi môi trường; bảo đảm phương pháp tính toán, hệ số áp dụng và biểu mẫu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát, cập nhật lại phương pháp lập dự toán theo các quy định hiện hành; trong đó đã rà soát đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công, chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, thuế tính trước, chi phí nhà tạm, chi phí bảo hiểm, chi phí thẩm tra, quyết toán, chi phí dự phòng và các chi phí liên quan khác. Các khoản mục chi phí và phương pháp tính đã được đối chiếu, cập nhật thống nhất trong toàn bộ hồ sơ dự toán.	Toàn báo cáo
	- Cập nhật đơn giá nhân công xây dựng theo Quyết định số 527/QĐ-SXD năm 2025; cập nhật mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP và tính toán lại toàn bộ đơn giá nhân công, phụ cấp tiền lương trong dự toán.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: + Quyết định số 256/QĐ- UBND ngày 22/2/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố bộ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thái Nguyên.	Tại trang 200,201

		+ Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ: Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động	
	- Sau khi điều chỉnh đơn giá, rà soát và tính toán lại chi phí trồng, chăm sóc cây; đồng thời đối chiếu với các quy định tại Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT và các văn bản liên quan để bảo đảm tính đúng, tính đủ và phù hợp với quy định hiện hành.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã thực hiện điều chỉnh đơn giá và tính toán lại chi phí trồng, chăm sóc cây tại Bảng 4.20	Tại trang 198
8	**Ý kiến của Ông Nguyễn Thành Đạt - Đại diện phòng Tài nguyên nước - Khí tượng thủy văn, Ủy viên Hội đồng**		
	- Làm rõ tác động của hoạt động bơm tháo khô moong khai thác đến chế độ nước dưới đất, bao gồm khả năng hạ thấp mực nước ngầm, phạm vi ảnh hưởng, nguy cơ gây sụt lún nền đất, rạn nứt công trình, nhà ở và các công trình hạ tầng trong khu vực lân cận (nếu có). Trường hợp dự án không thực hiện bơm tháo khô moong, cần thuyết minh rõ phương án khai thác và cơ sở xác định để làm căn cứ đánh giá tác động.	- Chủ dự án xin giải trình nội dung này như sau: Quá trình khai thác lộ thiên mỏ từ cos hiện trạng +340 xuống sâu đến đáy moong là +307, Theo Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ Kéo Lếch đã thực hiện thì Nước dưới đất ở vùng mỏ thuộc loại nghèo, tuy có 01 điểm xuất lộ nước, lưu lượng các nguồn lộ đo được từ 0.08l/s nhưng nằm cách xa moong và thấp hơn diện tích khai thác thân quặng nên nguồn lộ này không ảnh hưởng đến khai thác khoáng sản sau này. Do đó hoạt động khai thác lộ thiên không có mạch nước ngầm chảy vào moong khai thác và không phải thực hiện các phương án bơm tháo khô mỏ.	
	- Làm rõ phương án cấp nước phục vụ sinh hoạt, bao gồm quy mô cấp nước, số lượng cán bộ,	- Chủ dự án xin giải trình nội dung này: Phương án cấp nước sinh hoạt của mỏ là lấy nước từ khe suối	

	công nhân sử dụng nước, nhu cầu sử dụng nước, lưu lượng khai thác, nguồn cấp nước và phương án cấp nước, làm cơ sở xác định việc thực hiện các thủ tục về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.	trên đồi cao cung cấp cho 7 công nhân tại mỏ với nhu cầu sử dụng khoảng 0,7m^3/ngày đêm. Nước mặt từ khe suối dẫn về téc chứa nước cung cấp cho hoạt động sinh hoạt với lưu lượng nhỏ hơn 100m^3/ngày đêm do đó theo khoản 2, Điều 7 Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ trường hợp khai thác nước của dự án không phải thực hiện cấp phép khai thác nước mặt.	
	- Trường hợp sử dụng nước mặt, cần mô tả đầy đủ đặc điểm nguồn nước, vị trí, khoảng cách, chế độ dòng chảy và khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của dự án.	- Chủ dự án xin giải trình nội dung này: Do nhu cầu sử dụng nước mặt của Dự án khá nhỏ 0,7m^3/ngày đêm, nước được dẫn bằng đường ống cao su HDPE φ 34 về khu nhà ở công nhân mỏ, điểm lấy nước cách khu vực mỏ khoảng 800m, lưu lượng nước khe đảm bảo cung cấp cho nhu cầu của Dự án, do lưu lượng nước theo người dân bản địa chảy thường xuyên và quanh năm.	
	- Trường hợp khai thác nước dưới đất, cần đánh giá điều kiện địa chất thủy văn, khả năng khai thác của tầng chứa nước và thực hiện đầy đủ các thủ tục về thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định.	- Chủ dự án xin giải trình nội dung này: Chủ dự án không thực hiện khai thác nước dưới đất để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của công nhân trong mỏ.	
	- Rà soát, thống kê hiện trạng nhà ở, công trình và hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi có khả năng chịu ảnh hưởng của dự án; đánh giá phạm vi ảnh hưởng của hoạt động nổ mìn, khai thác, bơm tháo nước, vận chuyển và các sự cố môi trường; đồng thời xây dựng phương án giám sát, phòng	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ đầu tư đã thực hiện rà soát thống kê hiện trạng nhà dân, công trình và hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi Dự án. Nhà dân gần khu vực Dự án nhất cách 150m về phía Tây Bắc, trên trục đường giao thông 254. Mặt nghiêng khai trường của Dự án nằm hướng Nam. Do đó quá trình nổ mìn đá văng chủ yếu về phía Nam, khu phía	

	ngừa và làm căn cứ xác định trách nhiệm của Chủ dự án khi xảy ra thiệt hại.	Nam mỏ không có công trình công cộng, không có nhà dân xung quanh do đó quá trình nổ mìn khai thác không ảnh hưởng tới người dân và các công trình xung quanh.	
	- Rà soát nguồn gốc các tài liệu, số liệu khí tượng thủy văn sử dụng trong Báo cáo; bảo đảm số liệu được cung cấp, xác nhận hoặc khai thác theo đúng quy định của Luật Khí tượng thủy văn; đồng thời bổ sung đầy đủ căn cứ, nguồn gốc của các số liệu đã sử dụng trong hồ sơ.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Số liệu khí tượng thuỷ văn trong báo cáo được thu thập từ Trạm Khí tượng thuỷ văn Bắc Kạn, nguồn số liệu đảm bảo tính chính xác, bổ sung nguồn tại các bảng 2.1, 2.2, 2.3, 2.4.	Tại trang 73-75
9	**Ý kiến của Ông Dương Như Long - Chi cục Bảo vệ môi trường, Ủy viên Hội đồng**		
	- Bổ sung, cập nhật đầy đủ thông tin về chủ trương đầu tư; làm rõ phạm vi, ranh giới, diện tích thực hiện dự án; phân tích sự phù hợp của dự án với Quy hoạch tỉnh, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản; đồng thời thuyết minh đầy đủ thành phần quặng, quy trình công nghệ khai thác và các hạng mục của dự án có khả năng tác động đến môi trường.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Ngày 17/3/2020 Công ty được UBND tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 430/GP-UBND cho phép Công ty được thăm dò khoáng sản mỏ chì - kẽm - mangan - sắt khu vực Kéo Lếch, xã Nghĩa Tá, Lương Bằng và Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, ngày 25/3/2022 UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt Quyết định số 466/QĐ-UBND V/v Phê duyệt trữ lượng khoáng sản. Ngày 13/6/2025, Công ty đã được UBND tỉnh Bắc Kạn chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 189/QĐ-UBND. - Thành phần quặng theo Báo cáo kết quả thăm dò chủ yếu là eluvi, deluvi gồm các tảng, cục quặng nằm lẫn trong sét bột, chiều dày không ổn định thay đổi từ 1,0m đến 8,1m, trung bình 3,68m.	Tại phần Mở đầu trang 1 Mục 2.1.2 trang 72

		- Quy trình công nghệ khai thác của Dự án là khai thác lộ thiên, sử dụng thuốc nổ và máy xúc để khai thác được thể hiện cụ thể tại hình 1.2. cũng đã đưa ra các nguồn tác động đến môi trường từ hoạt động khai thác mỏ.	Mục 1.4.3 trang 63
	- Rà soát toàn bộ nội dung Báo cáo, bảo đảm tuân thủ đúng Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT.	- Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát, chỉnh sửa toàn bộ nội dung Báo cáo theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT, bảo đảm đầy đủ các nội dung, thành phần hồ sơ và bố cục theo mẫu quy định.	Toàn báo cáo
	- Bổ sung, hoàn thiện nội dung đánh giá hiện trạng môi trường trên cơ sở thu thập đầy đủ dữ liệu hiện trạng; rà soát số lượng, vị trí lấy mẫu môi trường bảo đảm tính đại diện; khuyến khích bổ sung số lượng mẫu quan trắc để phục vụ công tác theo dõi, so sánh diễn biến chất lượng môi trường trong quá trình triển khai dự án.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã tiến hành thu thập, tổng hợp và sử dụng các số liệu quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn do Trung tâm Quan trắc môi trường Bắc Kạn thực hiện đợt 1 (21/3-26/4/2025) và đợt 2 (02/6-17/6/2025) năm 2025 làm cơ sở đánh giá hiện trạng môi trường khu vực dự án	Tại mục 2.2 trang 91 đến 95
	- Rà soát việc đánh giá tác động của bụi, khí thải, nước mưa chảy tràn, nước thải mỏ và nguy cơ phát sinh dòng thải axit; bổ sung đánh giá các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình khai thác.	- Chủ dự án xin giải trình nội dung này: Mặt khác đặc điểm thân quặng của Dự án là thân quặng tồn tại dạng eluvi, deluvi gồm các tảng, cục quặng nằm lẫn trong sét bột, chiều dày không ổn định thay đổi từ 1,0m đến 8,1m, trung bình 3,68m. Do quặng đã trải qua quá trình phong hóa tự nhiên trong thời gian dài, hàm lượng các khoáng vật sulfua dễ bị oxy hóa giảm đáng kể so với quặng nguyên sinh, nên khả năng hình thành nước axit mỏ (AMD) được đánh giá ở mức thấp.	
	- Bổ sung giải pháp chống thấm đối với bãi thải;	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này:	Mục 3.2.2.

	hoàn thiện thiết kế bãi thải, quy trình đổ thải và công trình thu gom, xử lý nước phát sinh từ bãi thải.	Do quặng và đất đá thải không có nguy cơ sinh ra dòng thải axit nên bãi thải Chủ dự án không thực hiện lót vải địa kỹ thuật chống thấm. Bãi thải được thiết kế như sau: Chủ dự án thiết kế bãi thải ngoài diện tích 2.444 m^2 để lưu chứa đất đá thải trong 02 năm đầu khai thác, dung tích chứa 2.567 m^3, chiều cao trung bình là 2m, chủ dự án xây dựng đập chắn bãi thải với kích thước: chiều dài đập 24m, chiều cao đập 3m, chiều rộng đáy 3m, chiều rộng đỉnh là 1,5m. Nước mưa chảy qua bãi thải được thu gom và xử lý tại bể lắng 02 ngăn Công ty xây dựng bể lắng nước thải với kích thước dài x rộng x sâu như sau: 20 x 17 x 2 = 680 m3. Bể chia thành 02 ngăn dung tích cụ thể như sau: + Ngăn 1 = 17 x 10 x 2 (m) = 340 m^3. + Ngăn 2 = 17 x 10 x 2 (m)= 340 m^3. Kết cấu bằng gạch chát vữa xi măng chống thấm, đảm bảo lắng nước mưa chảy tràn trước khi thải ra môi trường.	Trang 148 - 154
	- Bổ sung công trình xử lý nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại bảo đảm nước thải đáp ứng quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nguồn của dự án được thu gom sau đó được xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải công suất 2 m^3 /ngày đêm trước khi xả ra môi trường. - Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.	Tại mục 3.2.2.1 trang 141 đến 148

	- Rà soát, bổ sung đầy đủ các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; tính toán lại chi phí cải tạo, phục hồi môi trường trên cơ sở cập nhật khối lượng, định mức và đơn giá hiện hành; xác định số lần ký quỹ và mức ký quỹ theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời bổ sung đầy đủ các bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã rà soát, bổ sung đầy đủ các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; đồng thời tính toán, cập nhật lại chi phí trên cơ sở khối lượng, định mức và đơn giá hiện hành. Báo cáo cũng đã xác định số lần ký quỹ và mức ký quỹ theo quy định hiện hành, đồng thời bổ sung, hoàn thiện các bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường kèm theo hồ sơ.	Tại chương 4 trang 174 đến 205
	- Rà soát, hoàn thiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường; bổ sung các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở và các sự cố môi trường trong suốt quá trình khai thác và sau khi kết thúc dự án.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: ***a. Giám sát môi trường nước thải*** - Vị trí giám sát: 01 vị trí: Nước thải tại điểm xả sau xử lý tại bể lắng. - Tọa độ điểm quan trắc dự kiến: X (m) = 2.444.616,27, Y (m) = 399.681,55 (Tọa độ điểm xả theo hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trục 106°50', múi chiếu 3). - Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD_5, COD, Tổng Nitơ (T-N), Tổng Phốt pho (T-P), Tổng Coliform, Asen (As), Thuỷ ngân (Hg), Chì (Pb), Cadmi (Cd), Crom VI (Cr^{6+}), Tổng Crom (Cr), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Sắt (Fe), Amoni ($N\text{-}NH^{4+}$), tính theo N, Dầu mỡ khoáng, Sunfua (S^{2-}). - Tần suất giám sát: 3 tháng/01lần. - Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT. ***b. Giám sát chất thải*** - Giám sát chất thải rắn sinh hoạt:	Tại mục 6.2 trang 211 đến 213

		+ Vị trí giám sát: Tại khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt. + Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại. + Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục. - Giám sát chất thải nguy hại: + Vị trí giám sát: Tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại. + Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại. + Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục. - Giám sát khác Giám sát các sự cố, rủi ro môi trường có thể xảy ra trong quá trình dự án đi vào hoạt động. **** Giám sát ổn định bãi thải*** Trong quá trình khai thác, Chủ dự án thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên tình trạng ổn định của bãi thải nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn. Nội dung giám sát bao gồm: - Kiểm tra hiện tượng sạt lở, trượt mái, nứt, lún, xói mòn bề mặt bãi thải; - Kiểm tra tình trạng ổn định của mái dốc, taluy bãi thải; - Kiểm tra hệ thống rãnh thoát nước, đê chắn, mương thu gom nước mưa xung quanh bãi thải; kịp thời khơi thông khi có bồi lấp; Theo dõi việc đổ thải đúng cao trình, phạm vi và trình tự thiết kế; không đổ thải vượt chiều cao thiết kế; Sau các trận mưa lớn hoặc mưa kéo dài phải tổ chức kiểm tra	

		toàn bộ bãi thải và có biện pháp gia cố, khắc phục ngay khi phát hiện dấu hiệu mất ổn định. - Tần suất thực hiện: + Kiểm tra thường xuyên trong quá trình đổ thải; + Kiểm tra định kỳ tối thiểu 01 lần/tháng; + Kiểm tra đột xuất sau các trận mưa lớn hoặc khi có dấu hiệu bất thường. **** Giám sát hoạt động của bể lắng*** Để bảo đảm hiệu quả xử lý nước mưa chảy tràn trước khi xả ra môi trường, Chủ dự án thực hiện giám sát quá trình vận hành hệ thống bể lắng với các nội dung: Kiểm tra mực nước, khả năng thu gom và thoát nước của hệ thống; Kiểm tra mức độ bồi lắng bùn, xác định dung tích hữu ích còn lại của bể; Kiểm tra tình trạng tắc nghẽn cửa thu, cửa xả, mương dẫn nước; Theo dõi chất lượng nước sau lắng bằng quan sát trực quan (độ trong, lượng cặn lơ lửng); kết hợp với kết quả quan trắc môi trường theo chương trình quan trắc của dự án; Thực hiện nạo vét bùn khi lượng bùn lắng chiếm khoảng 30–50% chiều sâu hữu ích của bể lắng, bể lắng hoặc trước mùa mưa để bảo đảm khả năng chứa và hiệu quả lắng cặn. Tần suất thực hiện:	

		+ Kiểm tra định kỳ 01 lần/tuần trong mùa mưa; + Kiểm tra 01 lần/tháng trong mùa khô; + Nạo vét bùn theo thực tế phát sinh, tối thiểu 01 lần/năm hoặc khi bể không còn bảo đảm dung tích thiết kế. **** Giám sát an toàn lao động:*** Trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án có thể xảy ra các tai nạn lao động đối với cán bộ công nhân. Chủ dự án thực hiện các công tác bảo đảm an toàn lao động cho công nhân trong quá trình thi công và sản xuất. Chủ dự án thực hiện giám sát thường xuyên công tác an toàn lao động trong suốt quá trình xây dựng cơ bản và khai thác mỏ nhằm phòng ngừa tai nạn lao động và bảo đảm an toàn cho người lao động. Nội dung giám sát bao gồm: - Kiểm tra việc chấp hành các quy định về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động và đơn vị thi công; - Kiểm tra việc trang bị, sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân (mũ, giày, quần áo bảo hộ, khẩu trang, kính bảo hộ, dây an toàn...); - Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy móc, thiết bị khai thác, phương tiện vận chuyển trước khi đưa vào hoạt động; - Giám sát việc thực hiện quy trình khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển và đổ thải theo đúng quy trình kỹ thuật và quy định về an toàn; - Kiểm tra hệ thống biển báo, biển cảnh báo nguy hiểm, rào	

		chắn, chiếu sáng, đường giao thông nội mỏ và các vị trí có nguy cơ mất an toàn; - Kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy; việc bố trí phương tiện, thiết bị PCCC và vật tư ứng phó sự cố; - Kiểm tra việc huấn luyện an toàn lao động, diễn tập ứng phó sự cố, sơ cấp cứu và công tác khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; - Kịp thời phát hiện, xử lý các nguy cơ mất an toàn và khắc phục các tồn tại trước khi tiếp tục thi công, khai thác. - Tần suất giám sát: - + Kiểm tra hằng ngày trước mỗi ca làm việc đối với máy móc, thiết bị và điều kiện làm việc. + Kiểm tra định kỳ tối thiểu 01 lần/tháng đối với toàn bộ công tác an toàn lao động. + Kiểm tra đột xuất khi có sự cố, sau mưa bão, sau nổ mìn hoặc khi phát hiện nguy cơ mất an toàn. **** Giám sát sự cố cháy, chập điện:*** Chủ dự án thực hiện giám sát thường xuyên hệ thống điện và công tác phòng cháy, chữa cháy nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các nguy cơ gây cháy, nổ và bảo đảm an toàn trong quá trình vận hành dự án. Nội dung giám sát gồm: - Kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống điện, tủ điện, đường dây dẫn điện, thiết bị đóng cắt, aptomat và hệ thống tiếp địa; kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng, xuống cấp hoặc có nguy cơ gây chập điện.	

		- Kiểm tra việc sử dụng điện đúng công suất thiết kế, không để xảy ra tình trạng quá tải, đấu nối điện không đúng quy định. - Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc sử dụng điện theo quy trình kỹ thuật của nhà sản xuất. - Kiểm tra tình trạng hoạt động của các phương tiện phòng cháy, chữa cháy (bình chữa cháy, bể nước chữa cháy, máy bơm chữa cháy, dụng cụ chữa cháy...) và bảo đảm luôn sẵn sàng sử dụng. - Kiểm tra việc bố trí biển báo cấm lửa, cấm hút thuốc, nội quy phòng cháy, chữa cháy tại các khu vực có nguy cơ cháy nổ. - Kiểm tra việc lưu giữ nhiên liệu, dầu mỡ, vật liệu dễ cháy; bảo đảm khoảng cách an toàn và các điều kiện theo quy định. - Tổ chức tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và diễn tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo kế hoạch. - Tần suất giám sát: + Kiểm tra hệ thống điện và thiết bị PCCC hằng ngày trước khi vận hành. + Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ 01 lần/tháng hoặc theo khuyến cáo của nhà sản xuất. + Kiểm tra đột xuất khi có mưa bão, sự cố điện hoặc khi phát hiện dấu hiệu bất thường.	
	- Rà soát, thống nhất các thông tin liên quan đến số hộ dân trong khu vực dự án, hồ sơ tham vấn cộng đồng và các nội dung khác trong toàn bộ	- Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát, đối chiếu, thống nhất số hộ dân trong khu vực dự án, thông tin trong hồ sơ tham vấn cộng đồng và các nội dung có liên quan trong toàn bộ Báo	Tại bảng 1.4 trang 48 và chương 7

	Báo cáo.	cáo. Các số liệu sau rà soát được thống nhất giữa phần thuyết minh, bảng biểu, hồ sơ tham vấn và phụ lục, bảo đảm tính chính xác và đồng bộ của hồ sơ.	
10	**Ý kiến của Ông Dương Văn Hiền, Chi cục Bảo vệ môi trường - Ủy viên thư ký**		
	- Rà soát, cập nhật đầy đủ các căn cứ pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, lâm nghiệp và đất đai; đồng thời bổ sung bản đồ chồng ghép vị trí dự án với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch bảo vệ môi trường và các khu vực nhạy cảm để làm rõ sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án.	Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát, cập nhật đầy đủ các căn cứ pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, lâm nghiệp và đất đai; đồng thời loại bỏ các văn bản đã hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp, bảo đảm hệ thống căn cứ pháp lý trong Báo cáo đầy đủ, chính xác và thống nhất với quy định hiện hành. Bổ sung bản đồ chồng ghép vị trí dự án đối với quy hoạch lâm nghiệp tại phần phụ lục	Tại mục 2.1 trang 6 đến 12
	- Rà soát tính đại diện của chương trình quan trắc môi trường nền; bổ sung sơ đồ vị trí lấy mẫu và tăng cường đánh giá hiện trạng đất, nước mặt, nước dưới đất đối với các kim loại đặc trưng của mỏ như Pb, Zn, Mn và Fe.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã thu thập, tổng hợp và sử dụng số liệu quan trắc chất lượng môi trường khu vực dự án do Trung tâm Quan trắc môi trường Bắc Kạn thực hiện, gồm đợt 1 từ ngày 21/3–26/4/2025 và đợt 2 từ ngày 02/6–17/6/2025, làm cơ sở đánh giá hiện trạng môi trường khu vực dự án, trong đó làm rõ hiện trạng môi trường không khí, đất, nước mặt và nước dưới đất tại khu vực dự án và vùng lân cận làm cơ sở đánh giá tác động của hoạt động khai thác khoáng sản.	Tại mục 2.2 trang 91 đến 95
	- Phân tích nguyên nhân các thông số môi trường có dấu hiệu vượt hoặc tiệm cận quy chuẩn; đánh	- Chủ dự án xin giải trình nội dung này: Do trên địa bàn xã có hàm lượng các thông số kim loại trong đất	

	giá xu thế tích lũy kim loại nặng trong quá trình khai thác lâu dài.	tương đối cao do có nhiều mỏ khoáng sản. Việc phân tích phụ thuộc vào vị trí lấy mẫu và thời điểm lấy mẫu do đó để đánh giá nguyên nhân từ kết quả của 01 đợt quan trắc là rất khó khẳng định do nguyên nhân nào. Tuy nhiên thì việc khai thác khoáng sản, chế biến khoáng sản trên địa bàn xã Chợ Đồn cũng gây ra các nguy cơ tích luỹ kim loại nặng trong nước, đất theo thời gian. UBND tỉnh Thái Nguyên cũng đã có chương trình quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh qua các năm là cơ sở để có thể đưa ra nhận định và tìm ra các nguyên nhân gây ra sự tích luỹ các kim loại nặng trong môi trường.	
	- Bổ sung đánh giá nguy cơ phát sinh nước axit mỏ (AMD), khả năng hòa tan và rửa trôi kim loại nặng; tính toán đầy đủ lưu lượng nước mưa chảy tràn, dung tích hồ lắng, khả năng xử lý nước thải và ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận; đồng thời làm rõ tác động của hoạt động tháo khô moong khai thác đến chế độ nước mặt và nước dưới đất.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Tại dự án, thân quặng tồn tại chủ yếu ở dạng eluvi, deluvi, gồm các tảng, cục quặng phân bố lẫn trong lớp sét bột phong hóa, chiều dày trung bình khối thay đổi từ 1,81 m đến 4,12 m. Do quặng đã trải qua quá trình phong hóa tự nhiên trong thời gian dài, hàm lượng các khoáng vật sulfua dễ bị oxy hóa giảm đáng kể so với quặng nguyên sinh, nên khả năng hình thành nước axit mỏ (AMD) được đánh giá ở mức thấp. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác và đổ thải, dự án vẫn thực hiện các biện pháp phòng ngừa như thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn và nước trong moong về hệ thống bể lắng, quản lý bãi thải theo thiết kế, hạn chế nước mưa thấm qua khối đất đá thải và thực hiện quan trắc định kỳ các thông số pH, Fe, Mn, Pb, Zn của nước thải nhằm kịp thời phát hiện, xử lý nếu có dấu hiệu phát sinh nước axit mỏ.	Tại mục 3.2.1.1 trang 149

		- Lượng nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án được tính toán theo phương pháp cường độ giới hạn theo TCVN 7957-2023: $Q = q \times F \times \varphi \times \beta$ Trong đó: Q: Lưu lượng nước mưa chảy tràn (l/s). F: Diện tích lưu vực thoát nước mưa (ha), F = 2,52 ha. (Trong đó diện tích khu vực khai thác là 2,25 ha; khu vực phụ trợ là 0,0272ha và khu bãi thải ngoài là 0,2444ha) q: Cường độ mưa tính toán (l/s.ha). $q = \frac{A(1 + C\ lg\ P)}{(t + b)^n}.K$ t: Thời gian dòng chảy mưa (phút), t = 90 phút. P: Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán (năm), P = 2 năm (theo bảng 3 trang 12, TCVN 7957:2023). A, C, b, n: Tham số xác định theo điều kiện mưa của địa phương theo phụ lục A, đối với vùng không có thì tham khảo vùng lân cận, tại Thái Nguyên các tham số lần lượt là 7.710; 0,52; 28; 0,85. K: Hệ số tính đến tác động của yếu tố biến đổi khí hậu đối với cường độ mưa, lấy≥1, phụ thuộc vào kịch bản biến đổi khí hậu từng địa phương và theo khuyến nghị của các cơ quan chuyên môn về khí tượng thủy văn ở khu vực. $q = 7.710 \times (1+0,52 \times \lg 2) / (90+28)^{0,85} \times 1 = 154,57$	Tại mục 3.1.1.1. trang 106 đến 108

(l/s.ha)

φ: Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào loại mặt phủ và chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán P, φ = 0,32 (theo bảng 3 trang 12, TCVN 7957:2023).

β: Hệ số phân bố mưa, β = 1 (theo bảng 4 trang 12, TCVN 7957:2023).

+ Lưu lượng nước mưa khu vực dự án:

Q = 154,57 × 2,52 × 0,32 × 1 = 124,65 (l/s)

Với lưu lượng lớn nhất là 124,65 l/s (tương đương 448,74 m^3/h), thể tích bể lắng cần thiết được tính theo công thức:

$$V = Q_h \times t$$

Trong đó:

+ V: thể tích hữu ích của bể (m^3);

+ Q_h: Lưu lượng tính toán (448,74 m^3/h);

+ t: thời gian lưu (1,5h)

Thay số:

V = 448,74 x 1,5 = 673,11 m^3, Làm tròn V = 680 m^3

Công ty xây dựng 01 bể lắng với kích thước: Chiều dài x chiều rộng x chiều sâu = 20 x 17 x 2 (m) = 680 m^3. Bể lắng có diện tích: 20 x 17 (m) = 340 m^2, tổng dung tích là 680 m^3 chứa thu và lắng nước chảy từ các nguồn để lắng cặn trước khi xả ra môi trường.

Bể chia làm 02 ngăn lắng, dung tích chứa cụ thể:

		+ Ngăn 1 = 17 x 10 x 2 (m) = 340 m^3. + Ngăn 2 = 17 x 10 x 2 (m)= 340 m^3. Kết cấu: Bể lắng được xây dựng bằng gạch đặc dày 20 cm, sử dụng vữa xi măng, mặt trong thành và đáy bể được trát/láng vữa xi măng có phụ gia chống thấm, xử lý kín các vị trí tiếp giáp đáy – thành. Kết cấu được thiết kế, thi công và nghiệm thu theo các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng hiện hành, đồng thời được kiểm tra khả năng kín nước trước khi đưa vào vận hành. Giải pháp nhằm hạn chế tối đa khả năng nước trong bể thấm xuống môi trường đất và nước dưới đất. Cốt cao đáy bể lắng là +294m. Nước thải sau khi xử lý lắng cặn đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp	Tại mục 3.2.1.1. trang 149 đến 151
	- Bổ sung đánh giá định lượng phạm vi phát tán bụi; dự báo mức độ ảnh hưởng đến khu dân cư và khu vực sản xuất nông nghiệp; đánh giá tác động cộng hưởng của các nguồn phát thải.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Việc đánh giá định lượng phạm vi phát tán bụi từ hoạt động khai thác của mỏ được đánh giá tại mục 2.2.1. + Bụi phát sinh do hoạt động nổ mìn + Bụi phát sinh do công đoạn vận chuyển, xúc đất đá, quặng + Bụi khí thải phát sinh do công đoạn vận chuyển quặng về xưởng tuyển. Do thành phần thân quặng có hàm lượng độ ẩm cao do đó bụi phát sinh không ảnh hưởng nhiều đến môi trường xung quanh.	Tại trang 128-130

	- Hoàn thiện nội dung đánh giá ảnh hưởng của hoạt động nổ mìn; bổ sung bản đồ bán kính ảnh hưởng, chương trình giám sát rung chấn, sóng không khí và các phương án ứng phó sự cố.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Hoàn thiện nội dung đánh giá ảnh hưởng của hoạt động nổ mìn tại mục 3.2.1.1.2. Bán kính ảnh hưởng quanh khu vực khai trường hướng nổ khoảng 300m. Quá trình hoạt động Công ty thực hiện các phương án giám sát quá trình nổ mìn, rung chấn và xây dựng phương án ứng phó sự cố môi trường cụ thể tại mục 3.2.2.5. Biện pháp phòng ngừa các sự cố môi trường.	Tại trang 128, 129 Trang 155
	- Bổ sung hồ sơ tính toán ổn định bãi thải, đánh giá nguy cơ sạt lở, lũ bùn đá; làm rõ dung tích hữu ích của bãi thải và khả năng đáp ứng trong toàn bộ thời gian khai thác.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Cơ sở tính toán bãi thải dựa trên lượng đất đá thải phát sinh trong quá trình khai thác tổng lượng đất đá thải là 10.340m^3, cụ thể như sau: Chủ dự án thiết kế bãi thải ngoài diện tích 2.444 m^2 để lưu chứa đất đá thải trong 02 năm đầu khai thác là 2.567 m^3 và sử dụng một phần mặt bằng khai trường (bãi thải trong) để chứa đất bóc khai trường những năm khai thác còn lại là 7.773m^3 - Bãi thải ngoài diện tích 2.444 m^2, chiều cao tầng thải là 2m, dung tích chứa là 2.567 m^3, có đê chắn thải dài 24m đảm bảo chứa thải và đáp ứng trong 2 năm khai thác đầu, sau 2 năm Công ty tiền hành cải tạo luôn diện tích bãi thải ngoài nhằm đảm bảo độ ổn định của tầng thải và tránh ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.	Mục 3.2.2. Trang 152-153
	- Rà soát phương án cải tạo, phục hồi môi	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này:	Mục 4.3. Trang

	trường; làm rõ cơ sở lựa chọn loài cây, giải pháp chống xói mòn, phương án quản lý lâu dài đối với moong khai thác và bãi thải sau khi kết thúc dự án; đồng thời đối chiếu, tính toán đầy đủ kinh phí và phương án ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định hiện hành.	Chủ dự án đã rà soát phương án cải tạo phục hồi môi trường, đưa ra 02 phương án khác biệt về bản chất và đưa ra lựa chọn loài cây trồng là cây keo tai tượng. Công ty thực hiện san gạt moong và trồng cây toàn bộ khu vực đáy moong khai thác để đảm bảo tính ổn định của bờ moong sau khi kết thúc khai thác. Chi phí cải tạo phục hồi môi trường được tính toán chi tiết tại mục 4.3. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường	190-203
11	**Ý kiến của Ông Lê Hải Bằng – Phó chủ tịch hội đồng**		
	- Rà soát, cập nhật đầy đủ các căn cứ pháp lý phục vụ việc lập và thẩm định Báo cáo ĐTM; loại bỏ các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đã hết hiệu lực hoặc viện dẫn chưa phù hợp; đồng thời bảo đảm tính thống nhất về tên gọi cơ quan, đơn vị, quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn và các căn cứ pháp lý được sử dụng trong toàn bộ hồ sơ.	-Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và đã rà soát, cập nhật đầy đủ các căn cứ pháp lý phục vụ việc lập và thẩm định Báo cáo ĐTM; đồng thời loại bỏ các văn bản, quy chuẩn, tiêu chuẩn đã hết hiệu lực hoặc viện dẫn chưa phù hợp. Báo cáo cũng đã được rà soát, thống nhất về tên cơ quan, đơn vị, quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn và các căn cứ pháp lý trong toàn bộ hồ sơ, bảo đảm tính chính xác, đồng bộ và phù hợp với quy định hiện hành.	Tại mục 2.1 trang 6 đến 12
	- Làm rõ mức độ phù hợp của dự án với các quy hoạch có liên quan, đặc biệt là quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch khoáng sản, quy hoạch sử dụng đất và các định hướng phát triển của địa phương; trong đó cần phân tích, đối chiếu cụ thể về vị trí, quy mô, công suất, công nghệ và các	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã làm rõ mức độ phù hợp của Dự án đối với các quy hoạch có liên quan, cụ thể như sau: Dự án phù hợp với Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 và	Tại mục 1.3 Trang 3-5

	yếu tố môi trường của dự án, không chỉ dừng ở việc viện dẫn các văn bản quy hoạch.	Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 611/QĐ-TTg ngày 8/7/2024, cụ thể: + Tất cả nguồn thải của Dự án điều được dự báo và có biện pháp kiểm soát, dự án đầu tư các công trình xử lý chất thải và quản lý chất thải theo quy định để xử lý chất thải đảm bảo quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường. Vì vậy dự án hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia "Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường" và mục tiêu tại Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia "chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường". + Đồng thời bên cạnh các biện pháp quản lý chất thải để không gây ô nhiễm môi trường, dự án sẽ thực hiện nghiêm túc hoạt động ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, phục hồi môi trường theo quy định theo hướng phục vụ mục đích phát triển kinh tế xã hội là phù hợp với nhiệm vụ quy định tại điểm d, khoản 3, mục II - Các nhiệm vụ của Chiến lược thuộc Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ. - Dự án được thực hiện tại xã Nghĩa Tá và xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên không thuộc vùng hạn chế phát thải theo quy định tại Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia. Dự án Mỏ chì kẽm Kéo Lếch thực hiện tại xã Nghĩa Tá và xã Chợ Đồn thuộc số thứ tự 20, mục 15 Phụ lục VIII – Danh mục quy hoạch các mỏ khoáng sản ban hành kèm theo Quyết định số	

		292/QĐ-UBND với tổng diện tích là 17,9ha.	
	- Bổ sung, hoàn thiện nội dung mô tả hiện trạng khu vực thực hiện dự án và các đối tượng chịu tác động; làm rõ hiện trạng sử dụng đất, hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước, nguồn tiếp nhận nước mưa và nước thải, các công trình hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư, các hộ dân chịu ảnh hưởng trực tiếp, các công trình cần bảo vệ và các yếu tố nhạy cảm về môi trường trong phạm vi tác động của dự án.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Nội dung mô tả hiện trạng khu vực thực hiện Dự án được thể hiện cụ thể tại mục 1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án và mục 1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường: - Tổng nhu cầu diện tích đất sử dụng: 5,25 ha (nằm trong 17,9 ha Công ty đã được UBND tỉnh cấp phép thăm dò và phê duyệt trữ lượng); Loại đất: Đất rừng sản xuất - Khu dân cư thôn Thành Công nằm lân cận khu vực mỏ, cách ranh giới khai thác gần nhất khoảng 270m về phía Tây Bắc. Nhà dân gần nhất cách ranh giới mỏ 150m về phía Tây Bắc.	Mục 1.1.4 và 1.1.5 tại trang 47-53
	- Rà soát, bổ sung và hoàn thiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phù hợp với quy mô và đặc điểm của dự án; trong đó cần làm rõ các giải pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu xói lở, sạt trượt, bảo đảm an toàn trong quá trình khai thác; đồng thời bổ sung phương án ứng phó với mưa lớn, bão, lũ, sự cố môi trường và cơ chế bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp hoạt động của dự án gây ảnh hưởng đến đời	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ đầu tư đã rà soát, bổ sung và hoàn thiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án cụ thể: + Biện pháp thu gom, thoát nước mưa + Biện pháp thu gom, xử lý nước thải + Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh + Biện pháp thu gom, lưu trữ chất thải rắn thông thường + Biện pháp thu gom, lưu trữ CTNH + Biện pháp phòng ngừa ứng phó các sự cố môi trường đồng thời Công ty cũng cam kết hỗ trợ đền bù những ảnh hưởng của Dự án	Mục 3.2.2. Tại trang 139 - 158

	sống, sản xuất của người dân theo quy định của pháp luật.	gây ra cho người dân xung quanh khu vực.	
	- Rà soát, hoàn thiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường; cập nhật đầy đủ các hạng mục, khối lượng, định mức, đơn giá, chi phí, lớp đất phủ, cơ cấu cây trồng, tiến độ thực hiện và nội dung ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định hiện hành; đồng thời làm rõ tính khả thi của phương án, bảo đảm việc cải tạo, phục hồi môi trường được thực hiện xuyên suốt quá trình khai thác, không tập trung toàn bộ vào giai đoạn kết thúc dự án.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đã rà soát phương án cải tạo phục hồi môi trường, đưa ra phương án khả thi và đảm bảo yêu cầu về cải tạo phục hồi môi trường phù hợp đối với Dự án. Công ty thực hiện san gạt moong và trồng cây toàn bộ khu vực đáy moong khai thác để đảm bảo tính ổn định của bờ moong sau khi kết thúc khai thác. Chi phí cải tạo phục hồi môi trường được tính toán chi tiết tại mục 4.3. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường - Phương án và tiến độ thực hiện ký quỹ thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật.	Mục 4.3. Trang 190-203
	- Hoàn thiện chương trình quản lý và giám sát môi trường bảo đảm phù hợp với tính chất, quy mô của dự án; xác định cụ thể các nội dung giám sát chất lượng môi trường, giám sát chất thải, giám sát việc vận hành các công trình bảo vệ môi trường, đánh giá hiệu quả các biện pháp giảm thiểu tác động, đồng thời bổ sung các nội dung về tham vấn cộng đồng, công khai thông tin và trách nhiệm thực hiện của Chủ dự án theo quy định.	- Chủ dự án xin tiếp thu, bổ sung nội dung này: Chủ dự án đề xuất chương trình quản lý và giám sát chất lượng môi trường đối với nước thoát mỏ, tần suất thực hiện giám sát 3 tháng/lần, thông số thực hiện giám sát là kim loại nặng trong nước thoát mỏ sau hệ thống bể lắng của mỏ. Đảm bảo chương trình theo dõi được chất lượng nước thải ra ngoài môi trường không gây ảnh hưởng tới chất lượng thuỷ vực. - Các nội dung tham vấn cộng đồng đã được Công ty thực hiện theo đúng quy định về niêm yết, công khai Báo cáo ĐTM tại UBND xã Nghĩa Tá và UBND xã Chợ Đồn để người dân cùng nắm được.	Tại mục 6.2 trang 209 -211 Tại Chương 7 trang 212-222

	- Rà soát, chỉnh sửa toàn bộ hồ sơ nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa nội dung thuyết minh, bảng biểu, bản vẽ và các phụ lục; đồng thời khắc phục các lỗi về chính tả, trình bày, đánh số bảng, hình và các lỗi kỹ thuật khác trước khi hoàn thiện Báo cáo ĐTM.	- Chủ dự án tiếp thu và hoàn thiện toàn bộ hồ sơ, số liệu và hình thức báo cáo, thống nhất các số liệu giữa nội dung thuyết minh dự án, bảng biểu, bản đồ , bản vẽ và phụ lục đính kèm.	Toàn bộ báo cáo